

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 04 - 2018
V/v: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N – TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Thành Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Thành

2. Bà Trần Thị Lan Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Lăng – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Công Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 04 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2017 về việc: “Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2018/QĐXX-ST ngày 16 tháng 03 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị NTVX, sinh năm 1982, có mặt

Nơi cư trú: thôn H, xã NM, huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc

2. Bị đơn: Anh KNS, sinh năm 1978, có mặt

Nơi cư trú: thôn H, xã NM, huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông KVL, sinh năm 1942 (có mặt)

3.2. Bà NTT, sinh năm 1942 (vắng mặt)

3.3. Chị KTH1, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Đều cư trú: Thôn H, xã NM, huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc

3.4. Chị KTH1, sinh năm 1976. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn NS, xã NM, huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc

3.5. Chị KTH3, sinh năm 1981. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn TD, xã QS, huyện N, Vĩnh Phúc.

3.6. Chị KTTh, sinh năm 1983. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn 11, xã NN, huyện ĐS, Đắk Nông.

3.7. Bà NTL, sinh năm 1953. (có mặt)

3.8. Ông NPM, sinh năm 1951. (vắng mặt)

Đều cư trú: Thôn HL, xã NM, huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc

3.9. Anh KVC, sinh năm 1975 (vắng mặt)

3.10. Chị NTK, sinh năm 1976 (có mặt)

Đều cư trú: Thôn D, xã CP, huyện SL, tỉnh Vĩnh Phúc.

3.11. Chị ĐTTG, sinh năm 1983. (vắng mặt)

3.12. Anh NTĐ, sinh năm 1977. (vắng mặt)

Đều cư trú: TDP PT, thị trấn N, N, Vĩnh Phúc.

3.13. Anh NMH, sinh năm 1983. (vắng mặt)

3.14. Chị TTG, sinh năm 1988. (vắng mặt)

Đều cư trú: Thôn HP, xã LS, huyện N, Vĩnh Phúc.

3.15. Ông ĐVT, sinh năm 1948. (vắng mặt)

3.16. Bà NTP, sinh năm 1950. (vắng mặt)

3.17. Chị VTV, sinh năm 1991. (vắng mặt)

3.18. Anh DQĐ, sinh năm 1991. (vắng mặt)

Đều cư trú: Thôn HL, xã NM, huyện N, Vĩnh Phúc

3.19. Chị PTB, sinh năm 1983. (vắng mặt)

3.20. Anh KMH, sinh năm 1975. (vắng mặt)

Đều cư trú: Thôn H, xã NM, huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc

3.21. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank).

Người đại diện theo pháp luật: Ông TNK – Chủ tịch Hội đồng thành viên Agribank, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 16/6/2014): Bà NTH – Giám đốc Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền số 15/NHN0-LT-UQGD ngày 04/8/2017): Ông ĐHQ – Phó trưởng phòng kế hoạch kinh doanh Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

3.22. Văn phòng Công chứng Khánh Linh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông NKB – Trưởng văn phòng công chứng Khánh Linh. (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn ĐC, xã HC, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 10 tháng 04 năm 2017 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị NTVX trình bày về các nội dung và yêu cầu giải quyết. Bị đơn là anh KNS trong quá trình giải quyết vụ án cũng đã đưa ra các quan điểm, lời trình bày và yêu cầu giải quyết vụ án. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, các bên đương sự thỏa thuận như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị NTVX và anh KNS thỏa thuận xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là KXT, sinh ngày 06/12/2001 và KTTT, sinh ngày 05/01/2007. Ly hôn, các bên thỏa thuận để chị X trực tiếp nuôi cả 02 con chung, anh S không phải đóng góp nuôi con chung cùng chị X.

Về tài sản chung: Chị X và anh S thỏa thuận, nếu ly hôn:

Anh S quản lý, sử dụng, sở hữu số tài sản gồm: 01 chuồng lợn lớn diện tích 197,4m² trị giá 98.000.000đ; 01 chuồng lợn nhỏ diện tích 38,4m² trị giá 19.000.000đ; 01 chuồng lợn con diện tích 12,22m² trị giá 3.000.000đ; 08 chiếc máng cho lợn ăn trị giá 1.700.000đ; 01 giếng khoan trị giá 8.500.000đ; 01 giếng đào quần tang trị giá 4.700.000đ; 01 nhà tắm trị giá 1.000.000đ; 07 ô khung dùng để nuôi lợn nái trị giá 8.400.000đ; 02 sàn lợn đẻ trị giá 4.500.000đ. Tổng tài sản trị giá 148.800.000đ (hiện anh S đang trực tiếp quản lý tại thửa đất số 05 tờ bản đồ 63, thôn H, xã NM, huyện N).

Chị X quản lý, sử dụng, sở hữu 350.000.000đ (hiện chị đang trực tiếp quản lý).

Các tài sản còn lại: Xe máy, cửa hàng tạp hóa, cửa hàng internet, cửa hàng bán cám lợn, 04 Lợn nái, Lợn bột...các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra tài sản của vợ chồng còn có 01 thửa đất, số thửa 05, tờ bản đồ 63 tại thôn H, xã NM, diện tích 2723m² (trong đó 200m² đất thổ cư, còn lại là đất vườn), thửa đất được UBND huyện N cấp GCNQSD đất ngày 11/9/2016 mang tên anh KNS. Thửa đất này có nguồn gốc từ bố mẹ đẻ của anh S cho vợ chồng chị, nhưng hiện nay gia đình nhà chồng lại có ý đòi lại khi vợ chồng ly hôn, do vậy chị không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, chị xin rút yêu cầu phân chia tài sản chung là thửa đất nêu trên, anh S đồng ý với việc rút yêu cầu này của chị X.

Về công nợ: Anh S và chị X thỏa thuận.

Anh S thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện N là 220.000.000đ tiền gốc và 18.100.000đ tiền lãi (bao gồm cả lãi phạt quá hạn) tính đến hết ngày 17/4/2018. Từ ngày 18/4/2018 anh S tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ với Agribank tại hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Chị X thực hiện nghĩa vụ trả nợ chị NTK (chồng là KVC) 240.000.000đ; nợ chị PTB (chồng là KMH) 50.000.000đ; nợ ông ĐVT (vợ là NTP) 30.000.000đ; nợ bà NTL (NPM) 110.000.000đ; nợ TTG (anh NMH) 24.000.000đ; nợ chị ĐTTG (NTĐ) 13.000.000đ; nợ chị VTV (DQĐ) 23.000.000đ. Tổng số là 489.000.000đ.

Về tài sản riêng, công sức: chị X và anh S xác định không có và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh S và chị X không phải thanh toán chênh lệch gì cho nhau

Về án phí: chị X tự nguyện chịu nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, các loại án phí khác đề nghị giải quyết theo quy định.

Về lệ phí định giá: Chị X tự nguyện chịu nộp 600.000đ lệ phí định giá, chị đã nộp đủ và không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày:

1. Ông KVL và bà NTT trình bày: Ông bà là bố mẹ đẻ của anh S. Việc chị X và anh S ly hôn ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng ông có 01 thửa đất là thửa số 05, tờ bản đồ 63, diện tích 2723m², năm 2016 ông bà đã làm thủ tục tặng cho anh S là con trai ông để anh chị thế chấp vay vốn của Ngân hàng. Trên đất, anh chị xây dựng được 02 chuồng trại chăn nuôi, giếng khoan... Nay anh chị ly hôn, chị X xin rút yêu cầu phân chia thửa đất trên, ông bà nhất trí. Đối với khoản nợ Agribank, ông bà đồng ý với thỏa thuận của chị X và anh S, đề nghị Tòa án giao cho anh S trả nợ.

3. Các chị KTH1, KTH2, KTH3, KTT trình bày: Các chị là chị em gái ruột của anh S. Việc ông L và bà Tr tặng cho anh S thửa đất số 05, tờ

bản đồ 63, diện tích 2723m² các chị có biết. Việc anh S và chị X xây dựng chuồng trại trên thửa đất đó các chị có biết nhưng không có ý kiến gì. Nay anh chị ly hôn, nếu chị X đề nghị chia thửa đất này các chị không đồng ý.

5. Ông NPM và bà NTL: Ông bà là bố mẹ đẻ của chị X. Ngày 25/02/2016 anh chị có vay của ông bà 100.000.000đ, đến tháng 11/2016 anh chị vay tiếp 10.000.000đ, tổng cộng là 110.000.000đ. Nay anh chị ly hôn, ông bà đề nghị anh chị phải có trách nhiệm trả cho ông bà số tiền là 110.000.000đ, ông bà không tính lãi suất và không có yêu cầu độc lập.

6. Chị NTK và anh KVC trình bày: Đầu năm 2016 chị X và anh S có vay vợ chồng chị số tiền là 140.000.000đ. Đến ngày 04/6/2016 (âm lịch) anh S đến nhà chị vay tiếp 100.000.000đ, tổng cộng là 240.000.000đ. Nay anh chị ly hôn, vợ chồng chị đề nghị anh chị có trách nhiệm trả cho vợ chồng chị số tiền là 240.000.000đ, không yêu cầu trả lãi và không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Chị K yêu cầu chị X là người trực tiếp thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị.

7. Chị TTG và anh NMH trình bày: Anh chị là chủ cửa hàng bán thuốc thú y ở xã QS, huyện N. Từ năm 2016 chị X có mua thuốc thú y từ cửa hàng của anh chị, hiện nay chị X còn nợ tiền là 24.000.000đ. Nay chị X và anh S ly hôn, anh chị đề nghị anh chị S X trả cho anh chị số tiền 24.000.000đ và anh chị không yêu cầu trả tiền lãi suất, không có yêu cầu độc lập.

8. Chị ĐTTG và anh NTĐ: Anh chị là chủ cửa hàng bán thuốc thú y ở thị trấn N. Từ năm 2016 chị X có mua thuốc thú y từ cửa hàng của anh chị, hiện nay chị X còn nợ tiền mua thuốc thú y là 13.000.000đ. Nay chị X và anh S ly hôn, anh chị đề nghị anh chị S X trả cho anh chị số tiền 13.000.000đ và anh chị không yêu cầu trả tiền lãi suất, không có yêu cầu độc lập.

9. Ông ĐVT và bà NTP trình bày: Ông bà là bác bá của chị X và anh S. Tháng 02/2016 (âm lịch), ông bà có cho anh S và chị X có vay số tiền là 30.000.000đ. Nay anh S và chị X ly hôn, ông bà đề nghị anh chị S X trả cho ông bà số tiền 30.000.000đ và ông bà không yêu cầu trả tiền lãi suất, không có yêu cầu độc lập.

10. Chị VTV và anh DQĐ trình bày: anh chị là em họ của chị X và anh S. Tháng 1/2017 anh chị có bán cho chị X và anh S 23 bộ máy vi tính trị giá 73.000.000đ. Anh chị đã trả được 50.000.000đ, còn nợ 23.000.000đ. Nay anh S và chị X ly hôn, anh chị đề nghị anh chị S X trả cho anh chị số tiền 23.000.000đ và anh chị không yêu cầu trả tiền lãi suất, không yêu cầu độc lập.

11. Chị PTB và anh KMH trình bày: Tháng 03 năm 2016 anh chị cho vợ chồng X S vay số tiền là 20.000.000đ, đến tháng 01 năm 2017 tiếp tục

cho vay 30.000.000đ. tổng cộng là 50.000.000đ. Nay vợ chồng X S ly hôn, anh chị yêu cầu trả cho anh chị 50.000.000đ, anh chị không yêu cầu lãi suất và không có yêu cầu độc lập.

12. Đại diện của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam: Ngày 14/9/2016 hộ chị NTVX và Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh N, Vĩnh Phúc đã ký hợp đồng tín dụng số 2808-LAV-201602741 theo đó Ngân hàng cấp số tiền vay cho người đại diện là chị NTVX với số tiền là 300.000.000đ và được đảm bảo bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 528570 theo hợp đồng thế chấp số 269856496-01/HĐTC/2016 ngày 12/9/2016. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, anh chị đã trả được số tiền gốc là 80.000.000đ, dư nợ còn lại là 220.000.000đ, hàng tháng anh chị trả tiền lãi suất đến hết ngày 24/10/2017. Tính đến nay, anh chị còn nợ số tiền gốc là 220.000.000đ, tiền lãi suất (bao gồm cả lãi phạt quá hạn) tính từ ngày 25/10/2017 cho đến ngày 17/4/2018 là 18.100.000đ. Nếu anh chị X S ly hôn và Tòa án giao cho anh S quản lý thửa đất số 05 tờ bản đồ 63 và sở hữu tài sản trên đất (đã thế chấp với Agribank) thì ngân hàng yêu cầu Tòa án giao cho anh Sơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ và tiếp tục thực hiện các cam kết đã ký kết tại hợp đồng tín dụng với ngân hàng. Ngân hàng không yêu cầu độc lập trong vụ án này.

13. Người đại diện của Văn Phòng công chứng Khánh Linh là ông NKB trình bày: Ngày 10/8/2016 ông B là công chứng viên thực hiện công chứng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng thửa đất số 05, tờ bản đồ 63, diện tích 2723m² giữa ông KVL và bà NTT cho anh KNS. Khi thực hiện công chứng hợp đồng thì có 04 người con có mặt, ông L trình bày gia đình ông chỉ có 04 người con và trong hộ khẩu của gia đình ông L cũng không thể hiện gia đình ông có 05 người con vì các anh chị đã trưởng thành nên tách hộ khẩu nên khi thực hiện công chứng hợp đồng ông B cũng chỉ biết ông bà có 04 người con.

Tại phiên tòa, vắng mặt một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, nhưng những người này hoặc là có đơn xin xét xử vắng mặt, số còn lại đã được Tòa án triệu tập và thông báo lịch phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt những người này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Những người tiến hành tố tụng các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết:

Xử công nhận sự thỏa thuận về ly hôn giữa chị X và anh S;

Về con chung: công nhận sự thỏa thuận, giao cho chị X nuôi cả 02 con chung, anh S không phải đóng góp nuôi con chung cùng.

Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận về việc anh S sử dụng, sở hữu số tài sản 01 chuồng lợn lớn diện tích 197,4m² trị giá 98.000.000đ; 01 chuồng lợn nhỏ diện tích 38,4m² trị giá 19.000.000đ ; 01 chuồng lợn con diện tích 12,22m² trị giá 3.000.000đ; 08 chiếc máng cho lợn ăn trị giá 1.700.000đ; 01 giếng khoan trị giá 8.500.000đ; 01 giếng đào quần tang trị giá 4.700.000đ; 01 nhà tắm trị giá 1.000.000đ; 07 ô khung dùng để nuôi lợn nái trị giá 8.400.000đ; 02 sàn lợn đẻ trị giá 4.500.000đ (tổng tài sản trị giá 148.800.000đ). Chị X sử dụng, sở hữu số tiền 350.000.000đ.

Về Công nợ: Công nhận sự thỏa thuận về việc anh S trả nợ cho Agribank chi nhánh N, chị X trả toàn bộ các khoản nợ còn lại.

Về tài sản riêng, công nợ: không đề nghị giải quyết.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Hôn nhân giữa chị NTVX và anh KNS là cuộc hôn nhân tiến bộ, hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng kết hôn và đã có thời gian chung sống cùng nhau hòa thuận hạnh phúc. Tuy nhiên từ năm 2011 đến nay thì vợ chồng phát sinh những bất hòa, mâu thuẫn. Nguyên nhân một phần do vợ chồng không còn hiểu và tin yêu nhau, thường xuyên nghi ngờ và xảy ra cãi vã, đánh cãi chửi nhau.

Xét mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, các bên đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, không quan tâm, tôn trọng nhau và làm cho cuộc hôn nhân không hạnh phúc. Tại phiên Tòa các bên thuận tình ly hôn là tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là KXT, sinh ngày 06/12/2001 và KTTT, sinh ngày 05/01/2007. Ly hôn, các bên thỏa thuận để chị X trực tiếp nuôi cả 02 con chung, anh S không phải đóng góp nuôi con chung cùng chị X. Xét thỏa thuận của các bên là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Tài sản chung: Tại phiên tòa các bên đương sự đã tự thỏa thuận được với nhau về phân chia tài sản, cụ thể:

Anh S quản lý, sử dụng, sở hữu số tài sản gồm: 01 chuồng lợn lớn diện tích 197,4m² trị giá 98.000.000đ; 01 chuồng lợn nhỏ diện tích 38,4m² trị giá 19.000.000đ; 01 chuồng lợn con diện tích 12,22m² trị giá 3.000.000đ; 08 chiếc máng cho lợn ăn trị giá 1.700.000đ; 01 giếng khoan trị

giá 8.500.000đ; 01 giếng đào quần tang trị giá 4.700.000đ; 01 nhà tắm trị giá 1.000.000đ; 07 ô khung dùng để nuôi lợn nái trị giá 8.400.000đ; 02 sản lợn đẻ trị giá 4.500.000đ. Tổng tài sản trị giá 148.800.000đ (hiện anh S đang trực tiếp quản lý tại thửa đất số 63 tờ bản đồ 05, thôn H, xã NM, huyện N).

Chị X quản lý, sử dụng, sở hữu 350.000.000đ (hiện chị đang trực tiếp quản lý).

Chị X và anh S không phải thanh toán chênh lệch gì cho nhau

Xét thỏa thuận của đương sự là tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các tài sản còn lại như xe máy, cửa hàng, 04 con Lợn nái...các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với thửa đất số 05, tờ bản đồ 63 tại thôn H, xã NM, diện tích 2723m² (trong đó 200m² đất thổ cư, còn lại là đất vườn), thửa đất được UBND huyện N cấp GCNQSD đất ngày 11/9/2016 mang tên anh KNS. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị X xin rút yêu cầu, không đề nghị giải quyết phân chia tài sản là thửa đất này. Bị đơn là anh S và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì. Do vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện này. Cũng cần tạm giao cho anh S quản lý thửa đất này, nếu các đương sự có tranh chấp hoặc yêu cầu chia thì sẽ giải quyết bằng một vụ việc khác.

[4] Về công nợ: Các đương sự là chị X, anh S, ông L, bà Tr, đại diện Agribank thỏa thuận:

Anh S thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Agribank chi nhánh N 220.000.000đ tiền gốc và 18.100.000đ tiền lãi tính đến hết ngày 17/4/2018 (gồm cả lãi phạt quá hạn). Từ ngày 18/4/2018 anh S tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ đã cam kết tại hợp đồng tín dụng.

Chị X thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gồm: chị NTK (chồng là KVC) số tiền 240.000.000đ; chị PTB (chồng là KMH) 50.000.000đ; ông ĐVT (vợ là NTP) 30.000.000đ; bà NTL (chồng là NPM) 110.000.000đ; TTG (chồng là NMH) 24.000.000đ; chị ĐTTG (chồng là NTĐ) 13.000.000đ; chị VTV (chồng là DQĐ) 23.000.000đ, tổng số là 490.000.000đ.

Chị X và anh S không phải thanh toán gì cho nhau.

[4] Về Tài sản riêng; công sức: Các đương sự không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị X là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của Pháp luật.

Tài sản chung của vợ chồng được phân chia có tổng trị giá là 498.800.000đ, nhưng số nợ mà vợ chồng có nghĩa vụ phải trả là 728.100.000đ nên theo quy định tại nghị quyết 326/NQ, các bên không phải chịu án phí phân chia tài sản.

Về lệ phí định giá tài sản: Chị X đã nộp 600.000đ, nhưng chị tự nguyện chịu nộp toàn bộ, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 55, Khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 60, Điều 27, Điều 37, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng 2010. Điều 26 Luật thi hành án dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[1] Về Hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị NTVX và anh KNS.

[2] Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cho chị NTVX trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả 02 con chung là KXT, sinh ngày 06/12/2001 và KTTT, sinh ngày 05/01/2007. Anh S không phải đóng góp nuôi con chung cùng chị X.

Vì quyền lợi của con chung, sau khi ly hôn, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức đóng góp nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định, không ai được cản trở.

[3] Tài sản chung: Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của chị X về việc đề nghị phân chia thừa đất số 05 tờ bản đồ 63, diện tích 2723m² tại thôn H, xã NM, huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc. Tạm giao cho anh S quản lý, sử dụng thừa đất.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Chia cho anh S quản lý, sử dụng, sở hữu toàn bộ khối tài sản chung của vợ chồng (hiện do anh S quản lý tại thửa đất số 63 nêu trên) gồm: 01 chuồng lợn lớn diện tích 197,4m² trị giá 98.000.000đ; 01 chuồng lợn nhỏ diện tích 38,4m² trị giá 19.000.000đ ; 01 chuồng lợn con diện tích 12,22m² trị giá 3.000.000đ; 08 chiếc máng cho lợn ăn trị giá 1.700.000đ; 01 giếng khoan trị giá 8.500.000đ; 01 giếng đào quán tang trị giá 4.700.000đ; 01 nhà tắm trị giá 1.000.000đ; 07 ô khung dùng để nuôi lợn nái trị giá 8.400.000đ; 02 sàn lợn đẻ trị giá 4.500.000đ. Tổng trị giá tài sản là 148.800.000đ.

Chia cho chị X quản lý, sử dụng, sở hữu số tài sản chung là tiền mặt 350.000.000đ, hiện chị đang quản lý.

Toàn bộ các tài sản còn lại: cửa hàng, quạt điện, 04 con Lợn Nái.... Các đương sự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị X và anh S không phải thanh toán chênh lệch gì cho nhau.

[4] Về công nợ:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Giao cho anh KNS thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Agribank chi nhánh N 220.000.000đ tiền gốc và 18.100.000đ tiền lãi, tính đến hết ngày 17/4/2018 (bao gồm cả lãi phạt quá hạn). Từ ngày 18/4/2018 anh S tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ đã ký kết với Agribank chi nhánh N theo hợp đồng tín dụng số 2808-LAV-201602741 ngày 14/9/2016.

Giao cho chị X thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ bao gồm: chị NTK (chồng là KVC) 240.000.000đ; chị PTB (chồng là KMH) 50.000.000đ; ông ĐVT (vợ là NTP) 30.000.000đ; bà NTL (NPM) 110.000.000đ; TTG (anh NMH) 24.000.000đ; chị ĐTTG (NTĐ) 13.000.000đ; nợ chị VTV (DQĐ) 23.000.000đ. Tổng số là 490.000.000đ.

Anh S và chị X không phải thanh toán chênh lệch gì cho nhau.

[5] Về tài sản riêng, công sức: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Án phí: Chị NTVX phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: 0001141 ngày 12/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- *VKSND huyện N;*
- *Chi cục THADS N;*
- *UBND xã NM;*
- *Đương sự;*
- *Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thành Công